

UBND TỈNH QUẢNG NINH
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 962/STP-TH&PBGDPL
V/v tham gia góp ý dự thảo Thông tư hướng
dẫn thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-
TTg của Thủ tướng Chính phủ

Quảng Ninh, ngày 23 tháng 9 năm 2021

Kính gửi: UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh

Ngày 22/7/2021 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Quyết định sẽ có hiệu lực từ ngày 01/01/2022.

Thực hiện Công văn số 3204/BTP-PBGDPL ngày 15/9/2021 của Bộ Tư pháp về việc góp ý dự thảo Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg, trong đó đề nghị UBND các tỉnh, thành phố tổ chức lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản và tổng hợp ý kiến gửi Bộ Tư pháp.

Sở Tư pháp trân trọng đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn liên quan và các xã, phường, thị trấn trên địa bàn nghiên cứu và tham gia ý kiến vào dự thảo ***Thông tư hướng dẫn khoản 6 Điều 3 và khoản 5 Điều 5 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.*** Trong đó, tham gia ý kiến cụ thể vào các văn bản: *Dự thảo Thông tư; Phụ lục I, Phụ lục II.*

UBND các huyện, thị xã, thành phố tham gia ý kiến bằng văn bản và gửi về Sở Tư pháp để tổng hợp trước ngày **01/10/2021**.

Xin trân trọng cảm ơn sự quan tâm phối hợp của các địa phương!

(Sở Tư pháp gửi kèm: (1) *Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Dự thảo Thông tư; Phụ lục I, Phụ lục II*).

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để B/cáo);
- GD, các PGD Sở;
- Phòng TP các huyện, TX, TP (thực hiện);
- Lưu: VT, TH&PBGDPL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Huỳnh Thị Mai Anh

Phụ lục I

**NỘI DUNG, ĐIỂM SỐ, CÁCH TÍNH ĐIỂM CÁC TIÊU CHÍ,
CHỈ TIÊU; TÀI LIỆU ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU**
(Kèm theo Thông tư số /2021/TT-BTP ngày tháng năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Tài liệu đánh giá*
Tiêu chí 1	Ban hành văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn	10	
Chỉ tiêu 1	Ban hành đầy đủ, đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được cơ quan có thẩm quyền giao (Trong năm đánh giá không có nhiệm vụ ban hành văn bản quy phạm pháp luật do luật, nghị quyết của Quốc hội giao được tính 03 điểm)	3	
	1. Ban hành đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật được giao	1,5	- Luật, Nghị quyết của Quốc hội giao nhiệm vụ ban hành văn bản quy phạm pháp luật cho Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã - Các nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã quy định tại khoản 2 Điều 30 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2020 được ban hành trong năm đánh giá.
	- Ban hành tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được giao trong năm đánh giá	1,5	
	- Không ban hành từ một (01) văn bản quy phạm pháp luật được giao trong năm đánh giá trở lên	0	

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Tài liệu đánh giá*
	2. Ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được giao	1,5	- Hồ sơ, tài liệu phục vụ xây dựng, lấy ý kiến các nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, quyết định Ủy ban nhân dân cấp xã được ban hành trong năm đánh giá. - Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc đình chỉ thi hành, bãi bỏ nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã hoặc quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã do không đúng thẩm quyền hoặc có nội dung trái pháp luật (nếu có).
	- <i>Tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được giao trong năm đánh giá được ban hành đúng thẩm quyền, nội dung, trình tự, thủ tục, thời hạn theo quy định của pháp luật</i>	1,5	
	- <i>Có từ một (01) văn bản quy phạm pháp luật trở lên được ban hành không đúng thẩm quyền hoặc không đúng trình tự, thủ tục hoặc không đúng thời hạn hoặc có nội dung trái pháp luật bị cơ quan có thẩm quyền xử lý</i>	0	
Chỉ tiêu 2	Ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản hành chính có nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân (sau đây gọi là văn bản hành chính) <i>Tỷ lệ % = (Tổng số văn bản hành chính đã ban hành đúng thẩm quyền, thời hạn và không bị cơ quan có thẩm quyền xử lý do có nội dung trái pháp luật/Tổng số văn bản đã ban hành trong năm đánh giá) x 100</i>	7	- Các văn bản hành chính có nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân được ban hành trong năm đánh giá - Các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản khác quy định về thẩm quyền, thời hạn ban hành các văn bản hành chính có liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân (nếu có).
	- <i>Đạt 100%</i>	7	- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc đình chỉ thi hành, bãi bỏ, hủy bỏ văn bản hành chính có nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân do có nội dung trái pháp luật; đơn khiếu nại, khiếu kiện, phản ánh
	- <i>Đạt từ 95% đến dưới 100%</i>	6	
	- <i>Đạt từ 90% đến dưới 95%</i>	5	
	- <i>Đạt từ 85% đến dưới 90%</i>	4	

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Tài liệu đánh giá*
	- Đạt từ 80% đến dưới 85%	3	của tổ chức, cá nhân (nếu có).
	- Đạt từ 75% đến dưới 80%	2	
	- Đạt từ 70% đến dưới 75%	1	
	- Đạt dưới 70%	0	
Tiêu chí 2	Tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật	30	
Chỉ tiêu 1	Công khai các thông tin kịp thời, chính xác, đầy đủ theo đúng quy định pháp luật về tiếp cận thông tin và thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn	5	- Các Danh mục thông tin đã được Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt, đóng dấu, đăng tải trên Cổng (Trang) thông tin điện tử cấp xã hoặc niêm yết trên Bảng tin, Bảng thông báo tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã. - Hồ sơ, văn bản, tài liệu phục vụ việc lập, phê duyệt, công khai, đăng tải hoặc niêm yết các Danh mục thông tin: các danh mục công khai thông tin được phê duyệt và các tài liệu minh chứng cho việc đăng tải thông tin (đường link trên cổng/trang thông tin điện tử, lịch phát các tin, bài về công khai thông tin được người có thẩm quyền phê duyệt; hình ảnh chụp các bảng niêm yết, công khai thông tin...) - Đơn kiến nghị, phản ánh hoặc biên bản tổng hợp kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân liên quan đến việc công khai thông tin theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân
	1. Lập, đăng tải (hoặc niêm yết) Danh mục thông tin phải được công khai, Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện (sau đây gọi chung là Danh mục thông tin) theo đúng quy định pháp luật	1	
	1.1. Lập Danh mục thông tin có đầy đủ các nội dung công khai thông tin và thường xuyên cập nhật Danh mục thông tin theo đúng quy định pháp luật	0,5	
	1.2. Đăng tải Danh mục thông tin (xã, phường, thị trấn có Cổng hoặc Trang thông tin điện tử) hoặc niêm yết Danh mục thông tin tại trụ sở của chính quyền cấp xã (xã, phường, thị trấn chưa có Cổng hoặc Trang thông tin điện tử) hoặc bằng các hình thức phù hợp khác.	0,5	
	2. Công khai thông tin đúng thời hạn <i>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã công khai đúng thời hạn/Tổng số thông tin phải được công khai) x 100</i>	1	

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Tài liệu đánh giá*
	- Đạt 100%	1	cấp xã (nếu có).
	- Đạt từ 80% đến dưới 100%	0,5	
	- Đạt dưới 80%	0	
	3. Công khai thông tin chính xác, đầy đủ <i>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã công khai chính xác, đầy đủ/Tổng số thông tin phải được công khai) x 100</i>	1	
	- Đạt 100%	1	
	- Đạt từ 80% đến dưới 100%	0,5	
	- Đạt dưới 80%	0	
	4. Hình thức công khai thông tin đúng quy định pháp luật <i>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã công khai đúng hình thức theo quy định pháp luật/Tổng số thông tin phải được công khai) x 100</i>	1	
	- Đạt 100%	1	
	- Đạt từ 80% đến dưới 100%	0,5	
	- Đạt dưới 80%	1	
Chỉ tiêu 2	Cung cấp thông tin theo yêu cầu kịp thời, chính xác, đầy đủ theo đúng quy định pháp luật về tiếp cận thông tin <i>(Trong năm đánh giá không có yêu cầu cung cấp thông tin)</i>	5	- Sổ theo dõi cung cấp thông tin theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã. - Đơn kiến nghị, phản ánh hoặc biên bản tổng

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Tài liệu đánh giá*
	<i>tin được tính 05 điểm)</i>		hợp kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân liên quan đến việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã (nếu có).
	1. Cung cấp thông tin theo yêu cầu đúng thời hạn <i>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã cung cấp đúng thời hạn/ Tổng số thông tin có yêu cầu đủ điều kiện cung cấp) x 100</i>	1,5	
	- Đạt 100%	1,5	
	- Đạt từ 90% đến dưới 100%	1	
	- Đạt từ 80% đến dưới 90%	0,5	
	- Đạt dưới 80%	0	
	2. Cung cấp thông tin theo yêu cầu chính xác, đầy đủ <i>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã cung cấp chính xác, đầy đủ/ Tổng số thông tin có yêu cầu đủ điều kiện cung cấp) x 100</i>	2	
	- Đạt 100%	2	
	- Đạt từ 90% đến dưới 100%	1	
	- Đạt từ 80% đến dưới 90%	0,5	
	- Đạt dưới 80%	0	
	3. Hình thức cung cấp thông tin đúng quy định pháp luật <i>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã cung cấp đúng hình thức theo quy định pháp luật/ Tổng số thông tin có yêu cầu đủ điều kiện cung cấp) x 100</i>	1,5	

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Tài liệu đánh giá*
	- Đạt 100%	1,5	
	- Đạt từ 90% đến dưới 100%	1	
	- Đạt từ 80% đến dưới 90%	0,5	
	- Đạt dưới 80%	0	
Chỉ tiêu 3	Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hàng năm theo đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật	8	
	1. Ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật đáp ứng yêu cầu về nội dung theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên	2	- Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật năm đã được Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành.
	- Ban hành Kế hoạch trước ngày 30 tháng 01 hàng năm	2	- Kế hoạch, văn bản của cơ quan cấp trên chỉ đạo, hướng dẫn về nội dung, thời hạn ban hành kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật của Ủy ban nhân dân cấp xã (nếu có).
	- Ban hành Kế hoạch sau ngày 30 tháng 01 hàng năm	1	
	- Không ban hành Kế hoạch hoặc có ban hành kế hoạch nhưng không đáp ứng yêu cầu về nội dung theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên	0	- Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về kết quả thực hiện kế hoạch công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và các văn bản, tài liệu triển khai các nhiệm vụ, hoạt động của kế hoạch: Giấy mời tổ chức tập huấn, phổ biến văn bản pháp luật, các tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật được cấp phát (văn bản pháp luật, tờ gấp, tài liệu hỏi - đáp), các tin, bài, lịch phát sóng đài truyền thanh cấp xã, loa truyền thanh cơ sở, đường link về nội dung liên quan trên
	2. Triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch (trừ các nội dung của chỉ tiêu 4 và chỉ tiêu 5 của tiêu chí này): $Tỷ\ lệ\ \% = (Tổng\ số\ nhiệm\ vụ,\ hoạt\ động\ đã\ triển\ khai\ và\ hoàn\ thành\ trên\ thực\ tế / Tổng\ số\ nhiệm\ vụ,\ hoạt\ động\ đề\ ra\ trong\ Kế\ hoạch) \times 100$	4	
	- Đạt 100%	4	
	- Đạt từ 90% đến dưới 100%	3	

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Tài liệu đánh giá*
	- Đạt từ 80% đến dưới 90%	2	cổng/trang thông tin điện tử (nếu có)....
	- Đạt từ 70% đến dưới 80%	1	
	- Đạt dưới 70%	0	
	3. Triển khai các nhiệm vụ phát sinh ngoài Kế hoạch theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên <i>Tỷ lệ % = (Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đã triển khai và hoàn thành trên thực tế/Tổng số nhiệm vụ, hoạt động phát sinh ngoài Kế hoạch theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên) x 100</i> <i>(Trong năm đánh giá không phát sinh nhiệm vụ ngoài Kế hoạch theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên được tính 02 điểm)</i>	2	
	- Đạt 100%	2	
	- Đạt từ 90% đến dưới 100%	1,5	
	- Đạt từ 80% đến dưới 90%	1	
	- Đạt từ 70% đến dưới 80%	0,5	
	- Đạt dưới 70%	0	
Chỉ tiêu 4	Triển khai các hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở	6	- Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật năm của Ủy ban nhân dân cấp xã và các hồ sơ, tài liệu triển khai các hoạt động thông qua các hình thức, mô hình phổ biến giáo dục pháp luật: Kế hoạch tổ
	- Có từ ba (03) hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả trở lên	6	

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Tài liệu đánh giá*
	- Có hai (02) hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả	5	chức, giấy mời, tin bài viết về tổ chức mô hình, báo cáo (nếu có).
	- Có một (01) hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả	4	- Phiếu ý kiến đánh giá của đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, các tổ chức thành viên của Mặt trận cấp xã, đại diện thôn, tổ dân phố trên địa bàn xã về tính hiệu quả của các hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật. - Bản tổng hợp kết quả đánh giá về hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở.
	- Không có hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả	0	
Chỉ tiêu 5	Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật cho tuyên truyền viên pháp luật theo đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật <i>Tỷ lệ % = (Tổng số tuyên truyền viên pháp luật được tập huấn, bồi dưỡng/Tổng số tuyên truyền viên pháp luật của cấp xã) x 100</i>	3	- Kế hoạch tổ chức tập huấn, giấy mời hoặc thông báo tham dự tập huấn. - Tài liệu bồi dưỡng, tập huấn. - Danh sách tuyên truyền viên pháp luật xác nhận tham dự. - Báo cáo kết quả (độc lập hoặc lồng ghép) về việc tổ chức bồi dưỡng, tập huấn.
	- Đạt 100%	3	
	- Đạt từ 80% đến dưới 100%	2	
	- Đạt từ 80% đến dưới 90%	1	
	- Đạt từ 70% đến dưới 80%	0,5	
	- Đạt dưới 70%	0	

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Tài liệu đánh giá*
Chỉ tiêu 6	Bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện để thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật theo đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật	3	- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền có nội dung phân bổ, bố trí kinh phí phổ biến, giáo dục pháp luật. - Dự toán kinh phí chi cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.
	<i>- Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện 100% số nhiệm vụ quy định tại mục 3 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này</i>	<i>3</i>	
	<i>- Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện từ 80% đến dưới 100% số nhiệm vụ quy định tại mục 3 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này</i>	<i>2</i>	- Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật năm của Ủy ban nhân dân cấp xã.
	<i>- Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện từ 60% đến dưới 80% số nhiệm vụ quy định tại mục 3 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này</i>	<i>1</i>	- Báo cáo kết quả (độc lập hoặc lồng ghép) về phân bổ, bố trí, sử dụng kinh phí phổ biến, giáo dục pháp luật, mức độ đáp ứng yêu cầu triển khai các nhiệm vụ của kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật đã phê duyệt.
	<i>- Không bố trí kinh phí hoặc có bố trí nhưng chỉ bảo đảm thực hiện được dưới 60% số nhiệm vụ quy định tại mục 3 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này</i>	<i>0</i>	
Tiêu chí 3	Hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý	15	
Chỉ tiêu 1	Các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải kịp thời, hiệu quả theo đúng quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở (sau đây gọi chung là vụ, việc hòa giải) <i>(Trong năm đánh giá không phát sinh mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải được tính 06 điểm)</i>	6	- Sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở. - Hồ sơ, tài liệu thực hiện hòa giải; các văn bản hòa giải thành. - Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về kết quả hoạt động hòa giải ở cơ sở. - Báo cáo của Tổ trưởng Tổ hòa giải về tổ chức

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Tài liệu đánh giá*
	1. Các vụ, việc hòa giải được tiếp nhận, giải quyết theo đúng quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở <i>Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc đã hòa giải đúng quy định/Tổng số vụ, việc đã tiếp nhận, thực hiện hòa giải) x 100</i>	3	và hoạt động của tổ hòa giải.
	- Đạt 100%	3	
	- Đạt từ 90% đến dưới 100%	2	
	- Đạt từ 80% đến dưới 90%	1	
	- Đạt dưới 80%	0	
	2. Các vụ, việc hòa giải thành <i>Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc hòa giải thành/Tổng số vụ, việc được thực hiện hòa giải) x 100</i>	3	
	- Đạt 100%	3	
	- Đạt từ 90% đến dưới 100%	2	
	- Đạt từ 80% đến dưới 90%	1	
	- Đạt dưới 80%	0	
Chỉ tiêu 2	Hỗ trợ kinh phí cho hoạt động hòa giải ở cơ sở theo đúng quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở	4	
	1. Có văn bản và dự toán kinh phí hỗ trợ hoạt động hòa giải gửi cơ quan có thẩm quyền cấp trên theo thời hạn quy định	0,5	Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã kèm theo Dự toán kinh phí hỗ trợ hoạt động hòa giải gửi cơ quan có thẩm quyền.

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Tài liệu đánh giá*
	2. Tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí theo đúng định mức quy định của cơ quan có thẩm quyền <i>Tỷ lệ % = (Tổng số tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí theo đúng định mức quy định/Tổng số tổ hòa giải trên địa bàn) x 100</i>	2	- Hồ sơ, tài liệu thực hiện chi kinh phí hỗ trợ tổ hòa giải, hòa giải viên; danh sách tổ hòa giải, hòa giải viên xác nhận được hỗ trợ kinh phí theo quy định tại Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP hoặc Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
	- Đạt 100%	2	
	- Đạt từ 90% đến dưới 100%	1,5	
	- Đạt từ 80% đến dưới 90%	1	
	- Đạt từ 70% đến dưới 80%	0,5	
	- Đạt dưới 70%	0	
	3. Hỗ trợ thù lao hòa giải viên theo vụ, việc theo đúng định mức quy định của cơ quan có thẩm quyền <i>Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc hòa giải đã giải quyết được hỗ trợ thù lao cho hòa giải viên theo đúng định mức quy định/Tổng số vụ, việc hòa giải đã giải quyết) x 100</i>	1,5	
	- Đạt 100%	1,5	
	- Đạt từ 90% đến dưới 100%	1	
	- Đạt từ 80% đến dưới 90%	0,5	
	- Đạt dưới 80%	0	
Chỉ tiêu 3	Thông tin, giới thiệu về trợ giúp pháp lý theo đúng	5	Giấy giới thiệu về trợ giúp pháp lý của Ủy ban

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Tài liệu đánh giá*
	quy định pháp luật về trợ giúp pháp lý <i>Tỷ lệ % = (Tổng số công dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý được thông tin, giải thích về quyền được trợ giúp pháp lý và được giới thiệu đến Trung tâm hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền để thực hiện quyền được trợ giúp pháp lý/Tổng số công dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý trong các vụ, việc liên quan đến trợ giúp pháp lý) x 100</i> <i>(Trong năm không phát sinh vụ, việc liên quan đến trợ giúp pháp lý được tính 05 điểm)</i>		nhân dân cấp xã.
	- Đạt 100%	5	
	- Đạt từ 90% đến dưới 100%	4	
	- Đạt từ 80% đến dưới 90%	3	
	- Đạt từ 70% đến dưới 80%	2	
	- Đạt từ 60% đến dưới 70%	1	
	- Đạt dưới 70%	0	
Tiêu chí 4	Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn	25	
Chỉ tiêu 1	Tổ chức trao đổi, đối thoại với Nhân dân theo đúng quy định pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương	3	- Kế hoạch của Ủy ban nhân dân cấp xã về tổ chức hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân. - Giấy mời hoặc thông báo về thời gian, địa điểm, nội dung của hội nghị đã được phát trên các phương tiện thông tin đại chúng, đăng tải trên
	1. Tổ chức hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân	2	
	- Tổ chức từ 02 hội nghị trở lên	2	

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Tài liệu đánh giá*
	- Tổ chức ít nhất 01 hội nghị	1	công/trang thông tin điện tử; gửi đến Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để thông báo cho Nhân dân. - Báo cáo hoặc biên bản về kết quả tổ chức hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân; hồ sơ, tài liệu phục vụ tổ chức hội nghị.
	- Không tổ chức hội nghị	0	
	2. Thông báo về thời gian, địa điểm, nội dung của hội nghị	1	
	- Thông báo đúng thời hạn (chậm nhất là 07 ngày trước ngày tổ chức hội nghị), đúng hình thức quy định (trên các phương tiện thông tin đại chúng và đến Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố)	1	
	- Không thông báo hoặc có thông báo nhưng chưa đúng thời hạn, chưa đúng hình thức	0	
Chỉ tiêu 2	Tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã đưa ra Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp đúng hình thức, yêu cầu theo quy định pháp luật/Tổng số nội dung thực tế trên địa bàn mà pháp luật quy định phải tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp) x 100	5	- Kế hoạch của Ủy ban nhân dân cấp xã về thực hiện những nội dung Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp. - Giấy mời hoặc thông báo họp thôn, tổ dân phố (nếu có); biên bản của thôn, tổ dân phố về kết quả đã được Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp. - Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về quá trình và kết quả thực hiện các nội dung Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp.
	- Đạt 100%	5	
	- Đạt từ 90% đến dưới 100%	4	
	- Đạt từ 80% đến dưới 90%	3	
	- Đạt từ 70% đến dưới 80%	2	

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Tài liệu đánh giá*
	- Đạt từ 60% đến dưới 70%	1	
	- Đạt dưới 60%	0	
Chỉ tiêu 3	Tổ chức để Nhân dân bàn, biểu quyết các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn <i>Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã đưa ra Nhân dân bàn, biểu quyết theo đúng hình thức, yêu cầu theo quy định pháp luật/Tổng số nội dung thực tế trên địa bàn mà pháp luật quy định phải được Nhân dân bàn, biểu quyết) x 100</i>	5	- Kế hoạch của Ủy ban nhân dân cấp xã về thực hiện những nội dung Nhân dân bàn, biểu quyết. - Giấy mời hoặc thông báo họp thôn, tổ dân phố (nếu có); biên bản của thôn, tổ dân phố về kết quả đã được Nhân dân bàn, biểu quyết. - Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về quá trình và kết quả thực hiện các nội dung Nhân dân bàn và quyết định.
	- Đạt 100%	5	
	- Đạt từ 90% đến dưới 100%	4	
	- Đạt từ 80% đến dưới 90%	3	
	- Đạt từ 70% đến dưới 80%	2	
	- Đạt từ 60% đến dưới 70%	1	
	- Đạt dưới 60%	0	
Chỉ tiêu 4	Tổ chức để Nhân dân tham gia ý kiến các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn <i>Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã đưa ra Nhân dân tham gia ý kiến theo đúng hình thức, yêu cầu và thực hiện tổng hợp, tiếp thu, thông báo việc tổng hợp, tiếp thu ý kiến của Nhân dân theo đúng quy định pháp</i>	5	- Kế hoạch của Ủy ban nhân dân cấp xã lấy ý kiến Nhân dân về những nội dung thuộc thẩm quyền quyết định. - Văn bản của cơ quan cấp trên chỉ đạo, giao nhiệm vụ lấy ý kiến Nhân dân (nếu có). - Bản tổng hợp, tiếp thu ý kiến; thông báo kết

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Tài liệu đánh giá*
	<i>luật/Tổng số nội dung thực tế trên địa bàn mà pháp luật quy định Nhân dân tham gia ý kiến) x 100</i>		quả tiếp thu, giải trình nếu có ý kiến khác với đa số ý kiến của Nhân dân;
	- Đạt 100%	5	- Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về quá trình và kết quả thực hiện các nội dung đưa ra lấy ý kiến Nhân dân.
	- Đạt từ 90% đến dưới 100%	4	
	- Đạt từ 80% đến dưới 90%	3	
	- Đạt từ 70% đến dưới 80%	2	
	- Đạt từ 60% đến dưới 70%	1	
	- Đạt dưới 60%	0	
Chỉ tiêu 5	Tổ chức để Nhân dân trực tiếp hoặc thông qua Ban Thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện giám sát các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn	7	
	1. Các nội dung để Nhân dân giám sát	5	- Báo cáo hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng. - Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về kết quả tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của Nhân dân trên địa bàn. - Báo cáo của Mặt trận cấp xã về kết quả tiếp nhận, giải quyết kiến nghị của Nhân dân. - Các văn bản, tài liệu liên quan đến việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của Nhân dân hoặc hoạt
	- Tổ chức giám sát từ 5 nội dung trở lên	5	
	- Tổ chức giám sát từ 4 nội dung	4	
	- Tổ chức giám sát từ 3 nội dung	3	
	- Tổ chức giám sát từ 2 nội dung	2	
	- Tổ chức giám sát từ 1 nội dung	1	
	- Không tổ chức giám sát	0	
	2. Thực hiện đầy đủ, đúng trách nhiệm được giao để	2	

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Tài liệu đánh giá*
	Nhân dân giám sát theo quy định		động của Ban Thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.
	2.1. Cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin, tài liệu cần thiết cho Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng;	1	
	2.2. Xử lý người có hành vi cản trở, trả thù, trù dập việc thực hiện giám sát của Nhân dân	1	
Tiêu chí 5	Tổ chức tiếp công dân, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo, thủ tục hành chính; bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội	20	
Chỉ tiêu 1	Tổ chức tiếp công dân, tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo theo đúng quy định pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo	7	- Nội quy tiếp công dân, lịch tiếp công dân. - Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phân công cán bộ, công chức làm công tác tiếp công. - Sổ tiếp công dân của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã. - Báo cáo kết quả (độc lập hoặc lồng ghép) về tổ chức tiếp công dân, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo.
	1. Tổ chức tiếp công dân theo đúng quy định	3	
	1.1. Có nội quy tiếp công dân	0,5	
	1.2. Có bố trí địa điểm, các điều kiện cần thiết, phân công người tiếp công dân	0,5	
	1.3. Thực hiện đầy đủ, đúng trách nhiệm tiếp công dân tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã (ít nhất 01 ngày trong 01 tuần) và tiếp công dân đột xuất (nếu có)	1	
	1.4. Phối hợp, xử lý kịp thời vụ việc nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về một nội dung; bảo đảm an toàn, trật tự cho hoạt động tiếp công dân	1	
	2. Tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, phản ánh theo đúng	2	

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Tài liệu đánh giá*
	quy định <i>Tỷ lệ % = (Tổng số kiến nghị, phản ánh được tiếp nhận, giải quyết đúng trình tự, thủ tục, thời hạn/Tổng số kiến nghị, phản ánh đã tiếp nhận, giải quyết theo thẩm quyền trong năm đánh giá) x 100</i> <i>(Trong năm đánh giá không có kiến nghị, phản ánh được tính 02 điểm)</i>		
	- Đạt 100%	2	
	- Đạt từ 90% đến dưới 100%	1,5	
	- Đạt từ 80% đến dưới 90%	1	
	- Đạt từ 70% đến dưới 80%	0,5	
	- Đạt dưới 70%	0	
	3. Tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo đúng quy định <i>Tỷ lệ % = (Tổng số khiếu nại, tố cáo được tiếp nhận, giải quyết đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hạn/Tổng số khiếu nại, tố cáo đã tiếp nhận, giải quyết theo thẩm quyền trong năm đánh giá) x 100</i> <i>(Trong năm đánh giá không có có khiếu nại, tố cáo được tính 02 điểm)</i>	2	
	- Đạt 100%	2	
	- Đạt từ 90% đến dưới 100%	1,5	

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Tài liệu đánh giá*
	- Đạt từ 80% đến dưới 90%	1	
	- Đạt từ 70% đến dưới 80%	0,5	
	- Đạt dưới 70%	0	
Chỉ tiêu 2	Tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định pháp luật về giải quyết thủ tục hành chính <i>Tỷ lệ % = (Tổng số hồ sơ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết đúng trình tự, thủ tục, thời hạn / Tổng số hồ sơ yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính hợp lệ đã tiếp nhận trong năm đánh giá) x 100</i>	5	Sổ theo theo dõi hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc sổ liệu được trích xuất từ hệ thống thông tin một cửa điện tử (đối với những xã, phường, thị trấn đã vận hành hệ thống thông tin một cửa điện tử).
	- Đạt 100%	5	
	- Đạt từ 95% đến dưới 100%	4	
	- Đạt từ 90% đến dưới 95%	3	
	- Đạt từ 85% đến dưới 90%	2	
	- Đạt từ 80% đến dưới 85%	1	
	- Đạt dưới 80%	0	
Chỉ tiêu 3	Không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự	3	- Quyết định kỷ luật hành chính cán bộ, công chức của cơ quan có thẩm quyền có hiệu lực pháp luật. - Quyết định khởi tố bị can đối với cán bộ, công chức của cơ quan có thẩm quyền có hiệu lực pháp luật.
	- Không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự	3	
	- Có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự	0	

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Tài liệu đánh giá*
Chỉ tiêu 4	Đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” theo đúng quy định pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội	5	Quyết định công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” của cơ quan có thẩm quyền.
	- Đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”	5	
	- Không đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”	0	
TỔNG CỘNG:		100	

* Ghi chú: Trong quá trình đánh giá, công nhận, kiểm tra xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, công chức chuyên môn cấp xã được giao theo dõi các tiêu chí, chỉ tiêu có trách nhiệm chuẩn bị, cung cấp các tài liệu quy định tại Phụ lục này theo yêu cầu của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Phụ lục II

BIỂU MẪU VÀ HƯỚNG DẪN MỘT SỐ NỘI DUNG TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU PHỤC VỤ ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

(Kèm theo Thông tư số .../2021/TT-BTP ngày ... tháng ... năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

I. Biểu mẫu phục vụ đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

1. Biểu mẫu phục vụ đánh giá, đề nghị công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện

a) Mẫu 01: Báo cáo đánh giá kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
(PHƯỜNG, THỊ TRẤN)...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: .../BC-UBND

..., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO

Đánh giá kết quả và đề nghị xem xét quyết định, công nhận xã
(phường, thị trấn).... đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

I. Kết quả đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

1. Về chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện

2. Kết quả tự chấm điểm, đánh giá các tiêu chí, chỉ tiêu

a) Đối với tiêu chí 1:

- Số chỉ tiêu đạt điểm tối đa:/02 chỉ tiêu.
- Số chỉ tiêu đạt từ 50% số điểm tối đa trở lên:/02 chỉ tiêu.
- Số chỉ tiêu đạt 0 điểm:/02 chỉ tiêu.
- Số điểm đạt được của tiêu chí:/10 điểm.

b) Đối với tiêu chí 2:

- Số chỉ tiêu đạt điểm tối đa:/06 chỉ tiêu.
- Số chỉ tiêu đạt từ 50% số điểm tối đa trở lên:/06 chỉ tiêu.
- Số chỉ tiêu đạt 0 điểm:/06 chỉ tiêu.
- Số điểm đạt được của tiêu chí:/30 điểm.

c) Đối với tiêu chí 3:

- Số chỉ tiêu đạt điểm tối đa:/03 chỉ tiêu.
- Số chỉ tiêu đạt từ 50% số điểm tối đa trở lên:/03 chỉ tiêu.
- Số chỉ tiêu đạt 0 điểm:/03 chỉ tiêu.
- Số điểm đạt được của tiêu chí:/15 điểm.

d) Đối với tiêu chí 4:

- Số chỉ tiêu đạt điểm tối đa:/05 chỉ tiêu.

- Số chỉ tiêu đạt từ 50% số điểm tối đa trở lên:/05 chỉ tiêu.
- Số chỉ tiêu đạt 0 điểm:/05 chỉ tiêu.
- Số điểm đạt được của tiêu chí:/25 điểm.

đ) Đối với tiêu chí 5:

- Số chỉ tiêu đạt điểm tối đa:/04 chỉ tiêu.
- Số chỉ tiêu đạt từ 50% số điểm tối đa trở lên:/04 chỉ tiêu.
- Số chỉ tiêu đạt 0 điểm:/04 chỉ tiêu.
- Số điểm đạt được của tiêu chí:/20 điểm.

3. Mức độ đáp ứng các điều kiện công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

a) Số tiêu chí đạt từ 50% số điểm tối đa trở lên:/05 tiêu chí.

b) Tổng điểm số đạt được của các tiêu chí:/100 điểm (sau khi làm tròn).

c) Cán bộ, công chức là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền cấp xã bị xử lý kỷ luật hành chính do vi phạm pháp luật trong thi hành công vụ hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự:

- Nêu rõ có hoặc không có cán bộ, công chức là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền cấp xã bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Nếu có, phải nêu rõ số lượng cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật, bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hành vi vi phạm, hình thức kỷ luật, quyết định xử lý kỷ luật của cơ quan có thẩm quyền hoặc quyết định khởi tố của cơ quan có thẩm quyền, bản án, quyết định của Tòa án (số, ngày tháng năm ký, người có thẩm quyền ký, ngày tháng năm có hiệu lực pháp luật).

d) Mức độ đáp ứng các điều kiện công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật: Đáp ứng được/03 điều kiện.

II. Những thuận lợi, khó khăn trong thực hiện tiêu chí, chỉ tiêu và đánh giá xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; đề xuất giải pháp khắc phục

- a) Thuận lợi
- b) Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân
- c) Đề xuất, kiến nghị các giải pháp khắc phục

III. Mục tiêu, kế hoạch nâng cao chất lượng thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu

1. Mục tiêu thực hiện

2. Những nội dung, tiêu chí, chỉ tiêu cần nâng cao chất lượng, đảm bảo thực chất kết quả xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

IV. Đề nghị xem xét, quyết định công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (nếu đáp ứng đủ các điều kiện công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật)

Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn) kính đề nghị Ủy ban nhân dân huyện (quận, thị xã...)....., tỉnh..... xem xét, quyết định công nhận xã (phường, thị trấn) đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm.....

Kèm theo báo cáo này gồm có:

1. Bản tổng hợp điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu;
2. Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của Nhân dân, kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân về kết quả đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;
3. Tài liệu liên quan khác (nếu có).

Nơi nhận:

- UBND huyện
(quận, thị xã).....;
-;
- Lưu: VT,...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

b) Mẫu 02: Bản tổng hợp điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
(PHƯỜNG, THỊ TRẤN)....**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm ...

BẢN TỔNG HỢP ĐIỂM SỐ CỦA CÁC TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Điểm số tự chấm	Tài liệu kèm theo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Tiêu chí 1	Ban hành văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn	10		
Chỉ tiêu 1	Ban hành đầy đủ, đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được cơ quan có thẩm quyền giao	3		
	1. Ban hành đầy đủ các văn bản được giao	1,5		
	- Ban hành tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được giao trong năm đánh giá	1,5		
	- Không ban hành từ một (01) văn bản quy phạm pháp luật được giao trong năm đánh giá trở lên	0		
	2. Ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản được giao (đúng thẩm quyền, nội dung, trình thủ, thủ tục, thời hạn)	1,5		
	- Tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được giao trong năm đánh giá được ban hành đúng nội dung, trình tự, thủ tục, thời hạn theo quy định của pháp luật	1,5		
	- Có từ một (01) văn bản quy phạm pháp luật trở lên được ban hành không đúng thẩm quyền hoặc không đúng trình tự, thủ tục hoặc không đúng thời hạn hoặc có nội dung trái pháp luật bị cơ quan có thẩm quyền xử lý	0		
Chỉ tiêu 2	Ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản hành chính có nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân (sau đây gọi là văn bản hành chính)	7		

	<i>Tỷ lệ % = (Tổng số văn bản hành chính đã ban hành đúng thẩm quyền, thời hạn và không bị cơ quan có thẩm quyền xử lý do có nội dung trái pháp luật/Tổng số văn bản đã ban hành trong năm đánh giá) x 100</i>			
	- Đạt 100%	7		
	- Đạt từ 95% đến dưới 100%	6		
	- Đạt từ 90% đến dưới 95%	5		
	- Đạt từ 85% đến dưới 90%	4		
	- Đạt từ 80% đến dưới 85%	3		
	- Đạt từ 75% đến dưới 80%	2		
	- Đạt từ 70% đến dưới 75%	1		
	- Đạt dưới 70%	0		
Tiêu chí 2		...		
.....		...		
Tiêu chí 3		...		
.....		...		
Tiêu chí 4		...		
.....		...		
Tiêu chí 5		...		
.....		...		
Chỉ tiêu 4	Đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” theo đúng quy định pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội	5		
	1. Đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”	5		
	2. Không đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”	0		
Tổng điểm*				

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
 (Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI THỰC HIỆN
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức danh công chức)

**Ghi chú: Nếu tổng điểm có giá trị thập phân dưới 0,5 điểm thì làm tròn xuống, nếu có giá trị thập phân từ 0,5 điểm trở lên thì làm tròn lên.*

c) Mẫu 03: Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của Nhân dân, kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân về kết quả đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
(PHƯỜNG, THỊ TRẤN)....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm ...

**BẢN TỔNG HỢP, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN CỦA NHÂN DÂN,
KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN VỀ KẾT QUẢ
ĐÁNH GIÁ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT**

Trên cơ sở ý kiến của Nhân dân, kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân về kết quả đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn, Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn)... tổng hợp, tiếp thu, giải trình như sau:

STT	Nội dung ý kiến, kiến nghị, phản ánh	Họ, tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân	Tiếp thu/Không tiếp thu		Giải trình	Ghi chú
			Tiếp thu	Không tiếp thu		
1						
2						
3						
...						
...						

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI THỰC HIỆN
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh công chức)

d) Mẫu 04: Phiếu lấy ý kiến và bản tổng hợp kết quả đánh giá về hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
(PHƯỜNG, THỊ TRẤN)....**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm ...

PHIẾU LẤY Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ

Về hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở

STT	Tên hình thức, mô hình; nội dung ý kiến đánh giá	Ý kiến đánh giá		Ghi chú
1	2	3	4	5
1	Hình thức, mô hình 1:			
a	Đã được triển khai rộng khắp, duy trì thường xuyên, liên tục trên địa bàn	☐ Đồng ý	☐ Không đồng ý	
b	Có từ 90% trở lên tổ chức, cá nhân trên địa bàn tiếp cận thông tin, văn bản, quy định pháp luật thông qua mô hình này	☐ Đồng ý	☐ Không đồng ý	
c	Có khả năng nhân rộng	☐ Đồng ý	☐ Không đồng ý	
2	Hình thức, mô hình 2:			
a	Đã được triển khai rộng khắp, duy trì thường xuyên, liên tục trên địa bàn	☐ Đồng ý	☐ Không đồng ý	
b	Có từ 90% trở lên tổ chức, cá nhân trên địa bàn tiếp cận thông tin, văn bản, quy định pháp luật thông qua mô hình này	☐ Đồng ý	☐ Không đồng ý	
c	Có khả năng nhân rộng	☐ Đồng ý	☐ Không đồng ý	
...				

Người đánh giá
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Ủy ban nhân dân cấp xã điền tên hình thức, mô hình tại mục 1, mục 2 của cột 1.
- Đại diện Mặt trận tổ quốc Việt Nam cấp xã, các tổ chức thành viên của Mặt trận cấp xã, đại diện Ban công tác mặt trận, trưởng thôn, làng, bản, ấp, phum, sóc, tổ trưởng tổ dân phố trên địa bàn cho ý kiến đánh giá vào các nội dung tại cột 3, cột 4.

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
(PHƯỜNG, THỊ TRẤN)....**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm ...

BẢN TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

Về hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở

1. Tổng số hình thức, mô hình đưa ra lấy ý kiến đánh giá:
2. Tổng số ý kiến đánh giá:.....
3. Kết quả tổng hợp:

STT	Tên hình thức, mô hình; nội dung ý kiến đánh giá	Kết quả đánh giá			
		Số ý kiến đồng ý	Tỷ lệ % đồng ý	Số ý kiến không đồng ý	Tỷ lệ % không đồng ý
1	2	3	4	5	6
1	Hình thức, mô hình 1:				
a	Đã được triển khai rộng khắp, duy trì thường xuyên, liên tục trên địa bàn				
b	Có từ 90% trở lên tổ chức, cá nhân trên địa bàn tiếp cận thông tin, văn bản, quy định pháp luật thông qua mô hình này				
c	Có khả năng nhân rộng				
2	Hình thức, mô hình 2:				
a	Đã được triển khai rộng khắp, duy trì thường xuyên, liên tục trên địa bàn				
b	Có từ 90% trở lên tổ chức, cá nhân trên địa bàn tiếp cận thông tin, văn bản, quy định pháp luật thông qua mô hình này				
c	Có khả năng nhân rộng				
...					

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TỔNG HỢP
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Tại cột 4, tỷ lệ % = Số ý kiến đồng ý tại cột 3/Tổng số ý kiến đánh giá x 100
- Tại cột 6, tỷ lệ % = Số ý kiến không đồng ý tại cột 5/Tổng số ý kiến đánh giá x 100

3. Biểu mẫu phục vụ đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật do Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện

a) Mẫu 05: Bản tổng hợp điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu do Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật thẩm định

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
(QUẬN, THỊ XÃ,...)...
HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ
CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

**BẢN TỔNG HỢP ĐIỂM SỐ CỦA CÁC TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU CỦA
XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN....**

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Điểm số UBND xã, phường, thị trấn tự chấm	Điểm số thẩm định của Hội đồng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)		(5)
Tiêu chí 1	Ban hành văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn	10			
Chỉ tiêu 1	Ban hành đầy đủ, đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được cơ quan có thẩm quyền giao	3			
	1. Ban hành đầy đủ các văn bản được giao	1,5			
	- Ban hành tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được giao trong năm đánh giá	1,5			
	- Không ban hành từ một (01) văn bản quy phạm pháp luật được giao trong năm đánh giá trở lên	0			
	2. Ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản được giao (đúng thẩm quyền, nội	1,5			

	dung, trình thủ, thủ tục, thời hạn)				
	- Tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được giao trong năm đánh giá được ban hành đúng nội dung, trình tự, thủ tục, thời hạn theo quy định của pháp luật	1,5			
	- Có từ một (01) văn bản quy phạm pháp luật trở lên được ban hành không đúng thẩm quyền hoặc không đúng trình tự, thủ tục hoặc không đúng thời hạn hoặc có nội dung trái pháp luật bị cơ quan có thẩm quyền xử lý	0			
Chỉ tiêu 2	Ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản hành chính có nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân (sau đây gọi là văn bản hành chính) <i>Tỷ lệ % = (Tổng số văn bản hành chính đã ban hành đúng thẩm quyền, thời hạn và không bị cơ quan có thẩm quyền xử lý do có nội dung trái pháp luật/Tổng số văn bản đã ban hành trong năm đánh giá) x 100</i>	7			
	- Đạt 100%	7			
	- Đạt từ 95% đến dưới 100%	6			
	- Đạt từ 90% đến dưới 95%	5			
	- Đạt từ 85% đến dưới 90%	4			
	- Đạt từ 80% đến dưới 85%	3			
	- Đạt từ 75% đến dưới 80%	2			
	- Đạt từ 70% đến dưới 75%	1			
	- Đạt dưới 70%	0			
Tiêu chí 2		...			
.....		...			
Tiêu chí 3		...			
.....		...			
Tiêu chí 4		...			

.....		...			
Tiêu chí 5		...			
.....		...			
Chỉ tiêu 4	Đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” theo đúng quy định pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội	5			
	1. Đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”	5			
	2. Không đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”	0			
Tổng điểm					

TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI THỰC HIỆN
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh công chức)

b) Mẫu 06: Biên bản cuộc họp Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
(QUẬN, THỊ XÃ,...)...
**HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ
CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm...

Số: .../BB-HĐTCPL

BIÊN BẢN
Họp Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật

Thời gian: ... giờ ... ngày...tháng...năm ...

Địa điểm:.....

Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật huyện (quận, thị xã ...)..... tiến hành họp để thẩm định đề nghị công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm

I. Thành phần tham dự

Hội đồng có.....thành viên tham dự (vắng ...), bao gồm:

- Đồng chí: ... Chủ trì cuộc họp;
- Đồng chí ...- Thư ký cuộc họp;
- Các Ủy viên:người.

II. Nội dung cuộc họp

1. Các nội dung tư vấn, thẩm định của Hội đồng

Hội đồng thảo luận, có ý kiến tư vấn, thẩm định về những nội dung sau:

- Kết quả tự đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của xã, phường, thị trấn trên địa bàn cấp huyện do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trình và Phòng Tư pháp tiếp nhận, tổng hợp;
- Đề xuất sáng kiến, giải pháp khắc phục hạn chế, tồn tại, duy trì bền vững xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn.
- Các nội dung, vấn đề khác có liên quan thuộc chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng theo quy định.

2. Ý kiến của thành viên Hội đồng (ghi đầy đủ, cụ thể các ý kiến của thành viên Hội đồng tham dự họp và thành viên Hội đồng không tham gia dự họp)

3. Ý kiến của Chủ tịch Hội đồng

Căn cứ vào kết quả thảo luận của các thành viên Hội đồng và ý kiến của các đại biểu tham dự (nếu có), Chủ tịch Hội đồng có ý kiến:

- *Thể hiện ý kiến về các nội dung, vấn đề thuộc trách nhiệm của thành viên Hội đồng;*

- Giao Phòng Tư pháp cấp huyện hoàn thiện Biên bản họp Hội đồng và các tài liệu có liên quan trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định.

4. Kết quả tư vấn, thẩm định của Hội đồng

Nêu rõ có ... thành viên/...tổng số thành viên Hội đồng nhất trí trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Cuộc họp kết thúc vào lúc ... giờ ngày ... tháng ... năm....

Biên bản này được lập thành ... bản, gửi.... và lưu giữ tại...

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

c) Mẫu 07: Quyết định công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
(QUẬN, THỊ XÃ...)....**

Số: .../QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

..., ngày...tháng...năm...

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận (xã phường, thị trấn) đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN (QUẬN, THỊ XÃ...)....

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ Thông tư số .../2021/TT-BTP ngày ... tháng ... năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn khoản 6 Điều 3 và khoản 5 Điều 5 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ hồ sơ đề nghị công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; kết quả thẩm định của Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật ngày ...tháng ...năm ... ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận..... xã, phường, thị trấn trên địa bàn huyện (quận, thị xã)....., tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương)..... Đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm..... (có Danh sách kèm theo).

Điều 2.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Nơi nhận:

- Như Điều...;

-;

- Lưu: VT,...

CHỦ TỊCH

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

d) Mẫu 08: Danh sách xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

DANH SÁCH
XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (quận, thị xã...))

STT	Tên xã, phường, thị trấn	Tổng điểm	Điểm của từng tiêu chí					Ghi chú
			Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	Các xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật							
1	Xã X							
....								
II	Các phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật							
1	Phường Y							
....								
III	Các thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật							
1	Thị trấn M							
...								

Ghi chú:

(2): Xếp điểm theo thứ tự từ cao xuống thấp đối với các xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

(4), (5), (6), (7), (8): Điểm của các tiêu chí sau khi đã làm tròn.

đ) Mẫu 09: Danh sách xã, phường, thị trấn chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

DANH SÁCH
XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN CHƯA ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT
 (Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (quận, thị xã...))

STT	Tên xã, phường, thị trấn	Tổng điểm	Điểm của từng tiêu chí					Cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật
			Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	Các xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật							
1	Xã X							
....								
II	Các phường chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật							
1	Phường Y							
....								
III	Các thị trấn chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật							
1	Thị trấn M							
...								

Ghi chú:

(2): Xếp điểm theo thứ tự từ cao xuống thấp đối với các xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

(4), (5), (6), (7), (8): Điểm của các tiêu chí sau khi đã làm tròn.

3. Biểu mẫu phục vụ quản lý, theo dõi đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật do Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện

a) Mẫu 10: Bản tổng hợp thông tin, số liệu thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu trên địa bàn (file excel)

b) Mẫu 11: Báo cáo kết quả đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn

ỦY BAN NHÂN DÂN

Số: .../BC-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày...tháng...năm...

BÁO CÁO

**Kết quả đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn
đạt chuẩn tiếp cận pháp luật**

I. Kết quả đạt được

1. Chỉ đạo, hướng dẫn triển khai, thực hiện
2. Triển khai thông tin, truyền thông, tập huấn
3. Tổ chức kiểm tra, triển khai giải pháp khắc phục, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc
4. Bố trí nguồn lực thực hiện
5. Kết quả tổ chức đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

II. Thuận lợi, khó khăn, hạn chế và nguyên nhân

1. Thuận lợi
2. Khó khăn, hạn chế
3. Nguyên nhân của khó khăn, hạn chế

III. Kế hoạch thực hiện năm sau

1. Mục tiêu thực hiện
2. Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện

IV. Kiến nghị, đề xuất

Nơi nhận:

-;
-;
- Lưu: VT,...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

II. Hướng dẫn nội dung của một số tiêu chí, chỉ tiêu

1. Đối với tiêu chí 1:

a) Chỉ tiêu 1: Văn bản quy phạm pháp luật bao gồm Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Quyết định Ủy ban nhân dân cấp xã quy định tại khoản 2 Điều 30 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2020.

b) Chỉ tiêu 2: Văn bản hành chính có nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân là các văn bản do chính quyền cấp xã ban hành có liên quan đến một tổ chức, cá nhân hoặc một nhóm tổ chức, cá nhân hoặc tất cả các tổ chức, cá nhân trên địa bàn xã, bao gồm:

- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã để tổ chức triển khai các nhiệm vụ được giao nhằm bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật, bảo vệ tài sản của cơ quan, tổ chức, bảo hộ tính mạng, tự do, danh dự, nhân phẩm, tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của công dân trên địa bàn cấp xã trong một số lĩnh vực về kinh tế, đất đai, tài nguyên – môi trường, y tế, văn hóa, an sinh xã hội; dự toán, quyết toán ngân sách địa phương; chủ trương đầu tư chương trình, dự án của xã trong phạm vi được phân quyền.

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Trưởng công an cấp xã; quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính, biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính đối với người chưa thành niên của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Đối với tiêu chí 2:

a) Chỉ tiêu 1: Thông tin được công khai là các thông tin quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã tạo ra hoặc nắm giữ trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật và các nội dung công khai tại Điều 5 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007.

b) Chỉ tiêu 2: Thông tin được cung cấp theo yêu cầu là các thông tin quy định tại Điều 23 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã tạo ra hoặc nắm giữ trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật mà công dân yêu cầu cung cấp thông qua Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin.

c) Chỉ tiêu 4: Hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở là hình thức, mô hình đáp ứng các điều kiện: (i) Được triển khai rộng khắp trên địa bàn cấp xã; duy trì thường xuyên, liên tục; (ii) Tỷ lệ tổ chức, cá nhân được tiếp cận pháp luật thông qua hình thức, mô hình này từ 90% trở lên; (iii) Có khả năng nhân rộng trên địa bàn và được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã, các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã; đại diện các thôn, tổ dân phố trên địa bàn xác nhận.

3. Đối với tiêu chí 3:

- Chỉ tiêu 1: Các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở là các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định một số điều và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở.

4. Đối với tiêu chí 4:

a) Chỉ tiêu 2:

- Nội dung đề Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp là các nội dung quy định tại Điều 10 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007.

- Hình thức đề Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp là các hình thức quy định tại Điều 11 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007.

b) Chỉ tiêu 3:

- Nội dung đề Nhân dân bàn, biểu quyết là các nội dung được quy định tại Điều 13 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007

- Hình thức đề Nhân dân bàn, biểu quyết là các hình thức quy định tại Điều 14 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007.

c) Chỉ tiêu 4:

- Nội dung đề Nhân dân tham gia ý kiến là các nội dung quy định tại Điều 19 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007.

- Hình thức đề Nhân dân tham gia ý kiến là các hình thức quy định tại Điều 20 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007.

d) Chỉ tiêu 5:

- Nội dung đề Nhân dân trực tiếp hoặc thông qua Ban Thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện giám sát là các nội dung quy định tại Điều 23 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007.

- Hình thức đề Nhân dân thực hiện giám sát là các hình thức quy định tại Điều 24 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007.

5. Đối với tiêu chí 5:

a) Chỉ tiêu 1: Tiếp công dân, tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo theo quy định tại Luật Tiếp công dân năm 2013, Luật Khiếu nại năm 2011, Luật Tố cáo năm 2018.

b) Chỉ tiêu 3:

- Cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính là trường hợp trong năm đánh giá cán bộ, công chức bị cơ quan có thẩm quyền ra Quyết định kỷ luật hành chính do có hành vi vi phạm theo quy định của Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức.

- Cán bộ, công chức cấp xã bị truy cứu trách nhiệm hình sự là trường hợp trong năm đánh giá, cán bộ, công chức bị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định

khởi tố bị can vì có hành vi phạm tội theo quy định Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Trường hợp trong năm đã có bản án tuyên bố vô tội của Tòa án hoặc quyết định đình chỉ vụ án của cơ quan có thẩm quyền thì không tính là bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

c) Chỉ tiêu 4: Xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn về “An toàn về an ninh, trật tự” là xã, phường, thị trấn được cơ quan có thẩm quyền công nhận đạt tiêu chuẩn về “An toàn về an ninh, trật tự” theo quy định tại Thông tư số 23/2012/TT-BCA ngày 27/4/2012 của Bộ Công an quy định về khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”.

Mẫu 10: Bản tổng hợp thông tin, số liệu thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu trên địa bàn
I. Tổng hợp thông tin, số liệu các chỉ tiêu, nội dung xác định theo tỷ lệ % tại Phụ lục I

STT	Địa phương	Tiêu chí 1	Tiêu chí 2									Tiêu chí 3					Tiêu chí 4				Tiêu chí 5		
		Tỷ lệ % văn bản hành chính ban hành đúng quy định	Tỷ lệ % thông tin công khai đúng thời hạn	Tỷ lệ % thông tin công khai chính xác, đầy đủ	Tỷ lệ % thông tin công khai đúng hình thức	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu đúng thời hạn	Tỷ lệ % thông tin cung cấp chính xác, đầy đủ	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu đúng hình thức	Tỷ lệ % nhiệm vụ triển khai theo kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	Tỷ lệ % nhiệm vụ triển khai phát sinh ngoài Kế hoạch theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên	Tỷ lệ % TTVPL được tập huấn, bồi dưỡng	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải thành	Tỷ lệ % số tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí theo định mức quy định	Tỷ lệ % số vụ, việc đã giải quyết được hỗ trợ thù lao cho hòa giải viên theo đúng định mức quy định	Tỷ lệ % công dân được thông tin về quyền và giới thiệu đến trung tâm TGPL	Tỷ lệ % nội dung đề ND bàn, quyết định trực tiếp thực hiện đúng nội dung, hình thức	Tỷ lệ % nội dung đề ND bàn, biểu quyết thực hiện đúng nội dung, hình thức	Tỷ lệ % nội dung đề ND tham gia ý kiến thực hiện đúng nội dung, hình thức	Tỷ lệ % nội dung đề ND giám sát thực hiện đúng nội dung, hình thức	Tỷ lệ % kiến nghị, phản ánh giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % khiếu nại, tố cáo giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % thủ tục hành chính giải quyết đúng quy định
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
1	Tỉnh/ thành phố...																						
	Huyện...																						
	Xã...																						
	Thị trấn...																						
	Quận...																						
	Phường ...																						
	Phường...																						
																							

Ghi chú:
TTVPL viết tắt tại cột 12 là tuyên truyền viên pháp luật
TGPL viết tắt tại cột 17 là trợ giúp pháp lý
ND viết tắt tại cột 18, cột 19, cột 20, cột 21 là Nhân dân

II. Tổng hợp thông tin, số liệu các chỉ tiêu, nội dung xác định theo điểm số tại Phụ lục I

STT	Địa phương	Tiêu chí 1	Tiêu chí 2				Tiêu chí 3	Tiêu chí 4								Tiêu chí 5		
		Điểm số ban hành văn bản QPPL	Điểm số lập, đăng tải DMTT	Điểm số ban hành kế hoạch PBGDPL	Điểm số triển khai các hình thức, mô hình thông tin, PBGDPL hiệu quả	Điểm số kinh phí PBGDPL	Điểm số đề xuất hỗ trợ kinh phí HGOCS	Điểm số tổ chức hội nghị trao đổi, đối thoại với ND	Điểm số thông báo thời gian, địa điểm, nội dung hội nghị trao đổi, đối thoại với ND	Điểm số triển khai các hình thức đề ND bàn, quyết định trực tiếp	Điểm số triển khai các hình thức đề ND bản, biểu quyết	Điểm số lập, thông qua, thực hiện kế hoạch lấy ý kiến ND	Điểm số triển khai các hình thức đề ND tham gia ý kiến	Điểm số triển khai các hình thức đề ND giám sát	Điểm số thực hiện đầy đủ trách nhiệm được giao đề ND giám sát	Điểm số tổ chức tiếp công dân đúng quy định	Điểm số không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự	Điểm số đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh, trật tự"
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Tỉnh/thành phố...																	
	Huyện.....																	
	Xã...																	
	Thị trấn...																	
	Quận...																	
	Phường...																	
	Phường...																	
																		
																		

Ghi chú:

- QPPL viết tắt tại cột 3 là quy phạm pháp luật
- DMTT viết tắt tại cột 4 là Danh mục thông tin
- PBGDPL viết tắt tại cột 5, cột 6, cột 7 là phổ biến, giáo dục pháp luật
- HGOCS viết tắt tại cột 8 là hòa giải ở cơ sở
- ND viết tắt tại cột 9, cột 10, cột 11, cột 12, cột 13, cột 14, cột 15, cột 16 là Nhân dân

III. Tổng hợp thông tin, số liệu về mức độ đạt điểm số, mức độ đạt chỉ tiêu đánh giá xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

STT	Địa phương	Mức độ đạt điểm số					Mức độ đạt chỉ tiêu					
		Tỷ lệ % chỉ tiêu có điểm 0	Tỷ lệ % chỉ tiêu có điểm đạt dưới 50% điểm tối đa	Tỷ lệ % chỉ tiêu có điểm đạt từ 50% đến dưới 70% điểm tối đa	Tỷ lệ % chỉ tiêu có điểm đạt từ 70% đến dưới 100% điểm tối đa	Tỷ lệ % chỉ tiêu có điểm tối đa	Tỷ lệ % xã, phường, thị trấn có từ 05/20 chỉ tiêu trở lên đạt dưới 50% điểm tối đa			Tỷ lệ % xã, phường, thị trấn có dưới 5/20 chỉ tiêu đạt dưới 50% điểm tối đa		
							Xã	Phường	Thị trấn	Xã	Phường	Thị trấn
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Tỉnh/thành phố											
	Huyện...											
	Xã....											
	Thị trấn....											
	Quận....											
	Phường...											
	Phường...											
												
												

Ghi chú:

Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện từ cột 3 đến cột 7; Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh thực hiện từ cột 8 đến cột 12.

Cách tính tỷ lệ: Tại cột 3, tỷ lệ % = Số chỉ tiêu có điểm 0/20 chỉ tiêu x 100

Tại cột 4, tỷ lệ % = Số chỉ tiêu có điểm đạt dưới 50% điểm tối đa/20 chỉ tiêu x 100

Tại cột 5, tỷ lệ % = Số chỉ tiêu có điểm đạt từ 50% đến dưới 70% điểm tối đa/20 chỉ tiêu x 100

Tại cột 6, tỷ lệ % = Số chỉ tiêu có điểm đạt từ 70% đến dưới 100% điểm tối đa/20 chỉ tiêu x 100

Tại cột 7, tỷ lệ % = Số chỉ tiêu có điểm tối đa/20 chỉ tiêu x 100

Tại cột 8, 9, 10, tỷ lệ % = Số xã hoặc phường hoặc thị trấn có từ 5/20 chỉ tiêu trở lên đạt dưới 50% điểm tối đa/tổng số xã, phường, thị trấn x 100

Tại cột 11, 12, 13, tỷ lệ % = Số xã hoặc phường hoặc thị trấn có dưới 05/20 chỉ tiêu đạt dưới 50% điểm tối đa/tổng số xã, phường, thị trấn x 100